Ngày soạn: 28/11/2024

Ngày giảng: 7A2: 06/12/ /2024

7A3: 10/12/2024

**BÀI 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN**

**TIẾT 55, 56. THÁNG GIÊNG, MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

Vũ Bằng

**I. MỤC TIÊU**

**\*Yêu cầu tối thiểu đối với học sinh**

**1. Về năng lực**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

- Nhận biết được sự phong phú đa dạng trong ngôn ngữ vùng miền

- Chỉ ra được nét riêng của cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân ở HN và miền Bắc. Nhận biết được những rung cảm tinh tế và nỗi nhớ nhưng da diết của một người xa quê. Qua đó thấy được vẻ đẹp tâm hồn và tình yêu quê hương thiết tha, sâu đậm của tác giả.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Phẩm chất:**

Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú đa dạng của các vùng miền.

**\* Học sinh Khá, Giỏi:**

- Nhận xét, đánh giá được sự cảm nhận tinh tế của tác giả thể hiện trong bài tuỳ bút

- Viết được đoạn văn khoảng 5-7 câu nêu cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân; có sự sáng tạo, linh hoạt trong cách dùng từ, đặt câu.

**\* Tích hợp** ĐĐLS: Biết yêu mến tự hào vẻ đẹp quê hương, đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. GV: Máy tính, máy chiếu, tài liệu liên quan

2. HS: Đọc – trả lời câu hỏi (TL/106-110)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

**3. Tổ chức các hoạt động học.**

**\*HĐ1. Mở đầu**

**a, Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b, Tổ chức thực hiện:**

HS: HĐCN – chia sẻ (4’)

HS nghe một bài hát về mùa xuân (Mùa xuân đầu tiên – Văn Cao- Hiền Thục).

**H.** **Em thích nhất điều gì ở mùa xuân?**

**- HS nghe bài hát và chia sẻ**

GV dẫn dắt vào bài:

Mùa xuân là mùa khởi đầu của một năm, xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc, muôn hoa đua hương, khoe sắc … thiên nhiên như khoác màu áo mới.

Mùa xuân gắn liền với lễ hội truyền thống, với Tết cổ truyền của dân tộc; trẻ em xúng sính trong những bộ quần áo mới, háo hức nhận lì xì. Người người, nhà nhà quây quần đoàn tụ.

Chẳng phải ngẫu nhiên mà mùa xuân từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho biết bao tâm hồn nghệ sĩ.

Với Nguyễn Trãi đó là *trong* *tiếng quốc kêu khi xuân đã muộn, đầy sân mưa bụi nở hoa xoan*;

Với Hàn Mặc Tử: *Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời/ bao cô thôn nữ hát trên đồi, ngày mai trong đám xuân xanh ấy, có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi*

Và hôm nay chúng ta cùng đến với mùa xuân của miền bắc qua văn bản ***Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt*** trích trong tác phẩm ***Thương nhớ Mười Hai*** của tác giả Vũ Bằng

**\* HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a . Mụ****c tiêu:**Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.Nhận biết được sự phong phú đa dạng trong ngôn ngữ vùng miền. Nêu cảm nhận và đánh giá của bản thân về vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, con người.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **H: VB này cần đọc giọng điệu như thế nào?**  =>Giọng trầm ấm, thiết tha, ngữ điệu da diết, nhớ thương, ngắt nghỉ đúng nhịp.  => Chú ý các thẻ chỉ dẫn màu vàng  GV: đọc mẫu, học sinh luyện đọc, nhận xét chéo (2-3HS)  GV giải nghĩa một số từ khó  HS quan sát chú thích (TL/108)   |  |  | | --- | --- | | Đêm xanh | Đêm có trăng và bầu trời trong sáng, không có mây. | | Huê tình | Tình yêu trai gái. | | Còn son | Con trẻ, chưa có con cái |   HS: HĐCĐ – chia sẻ (4’)  HS.Nghiên cứu mục sau khi đọc (TL/109)  **H. Nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm (** *thể loại, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, phương thức biểu đạt***)?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL**  **=>(Slide 5)**  =>Năm 2007, nhà văn Vũ Bằng được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.  Ông để lại một khối lượng lớn các tác phẩm:  (HS quan sát Slide 8,9)  =>Nếu có cơ hội các em hãy tìm đọc.  **HS báo cáo những nét chính về tác phẩm**  *( thể loại, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, phương thức biểu đạt*).  (HS quan sát Slide 10,11)  Tác phẩm được viết trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, tác giả sống ở vùng kiểm soát của Mĩ – Ngụy, xa cách quê hương đất Bắc. Nhà văn đã gửi gắm vào trong trang sách nỗi niềm thương nhớ da diết quê hương, gia đình và lòng mong mỏi đất nước hòa bình, thống nhất  **H.Nêu đặc điểm của thể Tùy bút? (**Slide 12**)**  => Tác phẩm ngoài phần ***tự ngôn*** ở phần đầu sách , “Thương nhớ mười hai” gồm 13 bài tùy bút, 12 bài viết về các tháng trong năm và 1 bài về tết.  =>Với mỗi tháng tác giả lại tìm được một nét riêng trong cảnh sắc, sinh hoạt, phong tục hay là món ăn đặc trưng cho thời điểm ấy  =>Tất cả đều toát lên vẻ đẹp riêng biệt và bản sắc văn hóa tinh tế, độc đáo của một vùng đất nước và cũng là của cả dân tộc.    **H: Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL: (**Slide 12**)**  - Phần 1: (Từ đầu đến… **mê luyến mùa xuân**): Tình cảm của con người với mùa xuân là một quy luật tất yếu, tự nhiên  - Phần 2: (Tiếp đến… **mở hội liên hoan**): Cảnh sắc, không khí mùa xuân của thiên nhiên đất trời và lòng người.  - Phần 3: (Còn lại): Cảnh sắc mùa xuân đất Bắc từ sau ngày rằm tháng Giêng.  Văn bản là lời của một người con xa quê hương, khao khát được đoàn tụ viết về mùa xuân trên mảnh đất Bắc.  Trước tiên là những dòng suy nghĩ về quy luật chung của thiên nhiên, mùa xuân  Sau đó đi vào cảm nhận sâu sắc từng chi tiết mùa xuân của đất Bắc trên những phương diện: ***cảnh sắc, thời tiết, những lễ nghi, phong tục.***  Theo dòng cảm xúc đó, tác giả tiếp tục miêu tả lại không khí và sự thay đổi của mùa xuân sau ngày rằm tháng Giêng. Từ đó giúp người đọc cảm nhận được **tình yêu quê hương tha thiết của tác giả.**  GV giới thiệu nội dung sẽ tìm hiểu:  *1.Tình cảm của con người với mùa xuân* **(T55)**  *2. Mùa xuân miền Bắc trong niềm thương nỗi nhớ của tác giả.*  *a. Mùa xuân miền Bắc vào đầu tháng Giêng*  *b. Mùa xuân miền bắc sau rằm tháng Giêng*  HS: HĐN – chia sẻ (5’)  HS. đọc ***từ đầu – không phải vì thế*** và trả lời câu hỏi sau bằng cách hoàn thành phiếu bài tập:  **H.Tác giả đã khẳng định như thế nào về tình cảm của con người với mùa xuân?**  **H.Tác giả đã dùng những “lí lẽ”, “dẫn chứng” nào để chứng minh cho điều đó? Các “lí lẽ”, “dẫn chứng” này có gì đặc biệt?**  HS báo cáo- chia sẻ:  GV nhận xét, KL  =>**Lí lẽ đưa ra**, là những tình cảm hết sức tự nhiên, một quy luật tất yếu của cuộc sống. Là những hình ảnh sóng đôi , song hành– không tách biệt; hay tình cảm tự nhiên trai - gái, mẹ - con, cô gái còn son - chồng … tình cảm luôn bền vững, tự nhiên không gò bó.  =>Là tình cảm tự nhiên, quy luật tất yếu của cuộc sống.  - **Dẫn chứng**: em gái, chàng trai, thiếu phụ, ...  =>Dựa trên chân lí không thể đảo ngược: ai bảo được .... đừng thương.... đừng thương....  =>Dẫn chứng là những nhân vật tưởng tượng, dưới dạng câu hỏi đồng thời là câu trả lời cho các: em gái, chàng trai, thiếu phụ.  =>TG còn lấy dẫn chứng bằng chính những trải nghiệm của mình về mùa xuân – “mùa xuân của tôi” – tôi yêu sông xanh, núi tím, ... để chứng minh lời khẳng định trên.  HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  **H. Để khẳng định tình cảm của con người với mùa xuân, tác giả đã sử dụng những biện pháp NT nào? Tác dụng của những biện pháp đó?**  HS báo cáo- chia sẻ:  GV nhận xét, KL  **TIẾT 56**  Chuyển ý: Vậy khi xa quê, tác giả nhớ những gì của mùa xuân đất Bắc?  (*Cảnh sắc thiên nhiên, con người trong mùa xuân, không khí gia đình đón tết được miêu tả như thế nào*)?  HS: HĐCĐ – chia sẻ (5’)  HS. Nghiên cứu P2 của văn bản  **1. Trong phần 2, tác giả đã miêu tả mùa xuân miền bắc vào đầu tháng Giêng (cảnh sắc thiên nhiên, con người qua mùa xuân, không khí gia đình đón Tết) qua những chi tiết nào?**  **2. Tác giả đã sử dụng nghệ thuật nào trong đoạn văn trên?**  **3. Từ đó, em nhận xét gì về bức tranh mùa xuân miền bắc vào đầu tháng Giêng?**  HS báo cáo- chia sẻ:  GV nhận xét, KL | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Vũ Bằng (1913-1984), quê Hà Nội  - Ông là nhà văn, nhà báo. Sở trường về truyện ngắn, tùy bút, bút kí.  **b. Tác phẩm**  - Thể loại **:** Tùy bút  - Xuất xứ: trích tùy bút “Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt” mở đầu tùy bút “Thương nhớ Mười Hai”.  - Viết khi đất nước bị chia cắt, sống xa quê.  **-** PTBĐ**:** biểu cảm, miêu tả, tự sự.  **3.Bố cục**: 3 phần  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Tình cảm của con người với mùa xuân**  **-** Lời khẳng định**:** “*Ai cũng chuộng mùa xuân*”.  - Lí lẽ: Giống như non - nước, bướm - hoa, trăng - gió, trai - gái, mẹ - con, cô gái còn son - chồng….  **-** Dẫn chứng: phỏng đoán và tưởng tượng (em gái, chàng trai, thiếu phụ…)  - Nghệ thuật: điệp ngữ, điệp từ, nhân hóa  - Giọng văn nhẹ nhàng, say đắm, cụ thể hóa tình cảm yêu chuộng mùa xuân, nhất là mùa xuân chan chứa kỉ niệm và tình yêu thương.  =>Khẳng định tình yêu mùa xuân là điều hiển nhiên, luôn tồn tại trong sâu thẳm trái tim mỗi người là một quy luật.  **2. Mùa xuân miền Bắc trong niềm thương nỗi nhớ của tác giả**  **a. Mùa xuân miền Bắc vào đầu tháng Giêng** |

- Cảnh sắc thiên nhiên :

+ Thời tiết: mưa riêu riêu, gió lành lạnh

+ Âm thanh: nhạn kêu, tiếng trống chèo, câu hát huê tình

- Cảm xúc con người trong mùa xuân : Say sưa ngây ngất trước mùa xuân tươi đẹp; Muốn phát điên lên, không chịu được máu căng lên, tim trẻ ra, đập mạnh hơn, thèm khát yêu thương

- Không khí gia đình đón tết :Nhang trầm, đèn nến, đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường , đầm ấm, sum vầy …..

- Nghệ thuật: Miêu tả; So sánh: *“câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng” , “không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó”, “nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc của loài nai”…*

+ Nhân hóa: *“mầm non của cây cối nằm im mãi không chịu được, phãi trỗi ra thành những cái lá nhỏ li ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh”*

+ Điệp từ: *mùa xuân*, *“có…”*

*+* Liệt kê: “*có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại…”*

*+ Từ láy; Dấu chấm lửng*

=> Mùa xuân tươi đẹp, đầm ấm tràn trề sức sống và những nét đẹp trong cuộc sống nghĩa tình của con người, là nét văn hóa truyền thống.

|  |  |
| --- | --- |
| **GV bình:** Chỉ bằng vài nét phác họa, tác giả đã tái hiện lại bức tranh mùa xuân đất Bắc với vẻ đẹp thiên nhiên mùa xuân thơ mộng, tươi đẹp, tràn đầy sức sống; con người say sưa, háo hức, hân hoan, trong không khí ấm cúng, hạnh phúc ngày xuân.  **H**. Em hiểu như thế nào về cách viết *mùa xuân của tôi, mùa xuân thần thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến*, cách viết này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm của người viết?  **GV mở rộng**: Trong tùy bút này mang đặc trưng dấu ấn cái tôi cá nhân của tác giả. Tác giả viết *mùa xuân của tôi, mùa xuân thần thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu*  *Gợi ý :*  *- mùa xuân của tôi :* cho thấy những kỉ niệm của ông với quê nhà  *- mùa xuân thần thánh của tôi:* thì cho thấy mùa xuân quê hương có ý nghĩa như thế nào với riêng người viết (đem đến những đổi thay kì diệu trong con người tác giả)  *- mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến:* cho thấy sự gắn bó sâu nặng của tác giả - người con xa quê, sự gắn bó với quê nhà  **-> Dấu ấn cá nhân -> đặc trưng của tùy bút**  HS: HĐCĐ – chia sẻ (5’)  HS. Nghiên cứu P3 của văn bản  **H. Cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân và tâm trạng, cuộc sống của con người thay đổi như thế nào sau rằm tháng giêng?**  HS báo cáo- chia sẻ, GV nhận xét, KL | -NT miêu tả, so sánh, nhân hóa, điệp từ, từ láy, dấu chấm lửng, ... tác giả đã tái hiện lại mùa xuân tươi đẹp, đầm ấm, tràn trề sức sống và những nét đẹp trong cuộc sống nghĩa tình của con người, là nét văn hóa truyền thống.  **b. Mùa xuân miền Bắc sau rằm tháng Giêng** |

**- Cảnh sắc thiên nhiên**: Đào hơi phai nhụy còn phong, cỏ nức mùi hương, trời hết nồm, mưa xuân, bầu trời đã có những vệt xanh tươi; đã có hoa thiên lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa; nền trời trong có những làn sáng hồng; khung cảnh đêm trăng tháng Giêng : đêm xanh biêng biếc, có mưa dầy, nhìn rõ từng cánh sếu bay, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ, có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc.

**- Con người:** rạo rực, trở về nếp sống thường ngày: bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh…**.**cánh màn điều treo ở bàn thờ ông vải đã hạ xuống; các trò vui kết thúc trở về cuộc sống thường ngày

=> Không khí sinh hoạt của con người trở về nếp sống êm đềm thường nhật tuy cuộc sống thiên nhiên có thay đổi chút ít nhưng vẫn rất đẹp , vẫn làm say đắm lòng người với cái mới mẻ của nó

|  |  |
| --- | --- |
| HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  **H. Em có nhận xét gì về những từ ngữ như “đào hơi phai”, “cỏ - nức mùi hương man mác”, “ nền trời trong trong - làn sáng hồng”,...**  HS báo cáo- chia sẻ, GV nhận xét, KL  =>đào hơi phai: màu hồng của cánh hoa đào đã phai nhạt hơn  =>mùi hương man mác: mùi hương của cỏ mang trong mình hương thơm của mùa xuân  =>làn sáng hồng hồng: nền trời đã xuất hiện màu ánh sáng trong sáng hồng của mặt trời  **H. Để khắc họa bức tranh mùa xuân sau rằm tháng Giêng tác giả đã sử dụng những biện pháp NT nào? Em có nhận xét gì về bức tranh mùa xuân sau rằm tháng giêng? Thông qua bức tranh tác giả muốn gửi gắm điều gì?**  **GV bình**: Với nghệ thuật: miêu tả, điệp từ, liên tưởng tinh tế, tác giả đã tái hiện không khí sinh hoạt của con người trở về nếp sống êm đềm thường nhật tuy cuộc sống thiên nhiên có thay đổi chút ít nhưng vẫn rất đẹp, vẫn làm say đắm lòng người với cái mới mẻ của nó  **H**. **Trong văn bản tùy bút có một số câu văn như lời trò chuyện tâm tình em hãy liệt kê và nêu cảm nhận** (như lời trò truyện của tác giả, lời mời gọi)  - HS báo cáo, chia sẻ  - GV nhận xét, kết luận  =>Với các câu văn: *ơi ơi người em gái xoã tóc bên cửa sổ!; Ấy đấy, cái mùa xuân thẩn thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy; Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến*  -> Bài tùy bút gần gũi, mang tính chất trữ tình.  HĐ chung cả lớp  **H: Khái quát những biện pháp nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong văn bản và nội dung chính của văn bản?**  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:  HĐ chung cả lớp  **\*Tích hợp ĐĐLS.**  **H. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua bài tùy bút là gì? Trách nhiệm của mỗi chúng ta với quê hương, đất nước.**  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:  =>Ca ngợi, tự hào, giới thiệu vẻ đẹp của quê hương vào mùa xuân. Nguyện vọng giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên, văn hóa của con người Việt Nam khi Tết đến, xuân về.  =>Yêu mến, tự hào vẻ đẹp quê hương, đất nước….. | -NT miêu tả, điệp từ, liên tưởng tinh tế làm nổi bật bức tranh mùa xuân tinh khôi, bình yên và nỗi lòng thương nhớ, yêu mến quê hương, khát vọng thống nhất đất nước của tác giả.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Tùy bút đậm chất trữ tình.  - Quan sát, cảm nhận tinh tế; miêu tả cảnh sinh động, chân thực.  - Từ ngữ, hình ảnh đặc sắc, sinh động; lời văn giàu hình ảnh, nhịp điệu.  - Sử dụng các biện pháp tu từ đặc sắc so sánh, điệp từ, …  **2. Nội dung**  - Cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân Hà Nội và miền Bắc được cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê.  - Bộc lộ chân thực, cụ thể tình yeeu quê hương, đất nước, lòng yêu cuộc sống và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, ngòi bút tài hoa của tác giả |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân.**

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

ĐVTK:

Yêu cầu:

- Hình thức: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu)

-Nội dung: nêu cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân

* *Khi nhắc đến mùa xuân, điều gì hiện lên đầu tiên trong tâm trí em?*
* *Khi hình dung lại rõ về điều đó, em có cảm giác gì?*
* *Em hãy tìm những hình ảnh cụ thể để diễn tả cảm giác đó*

ĐOẠN THAM KHẢO

Thế là mùa xuân tươi đẹp đã tới. Đàn chim én từ đâu rủ nhau về, bay lượn khắp bầu trời. Chúng cất cao tiếng hót đón chào mùa xuân. Thoảng trong bầu không khí trong lành, làn mưa bụi quyện theo hoa xoan tím lớp lớp rơi đầy ngõ. Cũng có những ngày nắng xuân yếu ớt, ửng hồng, nhuộm vào cảnh vật. Hoa đào, hoa mơ nở rực rỡ đầy cành tô điểm cho đời sức sống mới. Cây cối trút bỏ lớp áo xám xịt của mùa đông để nô nức đâm chồi, nảy lộc. Con đường làng em rộn ràng người đi lại: người đi chúc tết, đi hội làng, đi chợ xuân... ai nấy đầy vui mừng, rạng rỡ. Mùa xuân đã mang lại cho thiên nhiên, đất trời bao điều kì diệu và tươi mới.

**4. Củng cố**

H: Nêu nội dung cơ bản của tiết học

**5. Hướng dẫn học bài**

HS: Về nhà học bài cũ; Hoàn thiện bài tập

Soạn: **Thực hành tiếng Việt: Dấu câu, biện pháp tu từ** (TL/110, 111)

===========================

Ngày giảng: 7A2………../......... /2024

7A3………../.........../2024

**TIẾT 57, 58**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: DẤU CÂU, BIỆN PHÁP TU TỪ**

**I. Mục tiêu**

**\*Yêu cầu tối thiểu đối với học sinh**

**1. Về năng lực**

- Nhận diện được biện pháp tu từ, dấu câu

- Biết sử dụng biện pháp tu từ trong việc viết câu văn, đoạn văn.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Phẩm chất**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào để hiểu và phân tích các VB được học.

**\* Học sinh Khá, Giỏi:** Hiểu được công dụng và sử dụng các chúng trong tạo lập văn bản.

Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ trong văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. GV: Máy tính, máy chiếu, tài liệu liên quan, phiếu bài tập

2. HS: Đọc – trả lời câu hỏi (TL/110, 111)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh

**3. Tổ chức các hoạt động học.**

**HĐ1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho học sinh tiếp thu tốt bài học, củng cố lại kiến thức đã học

**b. Tổ chức thực hiện**:

**HS: HĐCN – 4 – chia sẻ**

**HS nghe bài hát “Cuộc sống mến thương” và tìm câu có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá?**

=>Nhân hoá: Này chú chim non nho nhỏ.

=>So sánh: Cất tiếng hát líu lo như muốn ngỏ.

- GV dẫn vào bài .

**HĐ2: Ôn tập**

**a. Mục tiêu:**  Củng cố kiến thức về dấu câu, biện pháp tu từ

**b. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| HĐCN – chia sẻ (3’)  **H. Kể tên các dấu câu em đã học? Nêu công dụng của các dấu câu đó?**  =>( Dấu chấm, dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép)  **H. Nêu công dung của dấu gạch ngang?**  **=>**  - Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói của nhân vật hoặc để liệt kê.  - Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.  - Nối các từ trong một liên danh.  Ví dụ:  **H. Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong câu văn : “*Anh trai tôi - anh An - là lớp trưởng lớp 9A*”?**  =>Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu. | **I. Lý thuyết**  **1. Dấu câu**  **2. Biện pháp tu từ**  - So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ. |

**H. Hãy ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái cho phù hợp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘT A** | **NỐI** | **CỘT B** |
| 1. So sánh | 1b | a. Là lặp lại từ ngữ để nhấn mạnh, khẳng định, liệt kê |
| 2. Nhân hoá | 2c | b. Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt |
| 3. Điệp ngữ | 3a | c. gắn cho đồ vật, cầy cối, con vật,... những đặc điểm, thuộc tính của người, nhằm làm cho đối tượng được miêu tả gần gũi, sinh động |

**\* HĐ2: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết được dấu câu (công dụng của dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép), biện pháp tu từ, biết vận dụng kiến thức vào thực hành.

**b) Tổ chức thực hiện:**

HĐCN – chia sẻ (5’)

**HS: Nghiên cứu và trả lời câu hỏi BT1 (TL/110)**

**\*Bài tập 1(TL/110).** **Nêu công dụng của dấu gạch ngang?Nếu không có các cụm từ được tách ra bởi dấu gạch ngang thì nội dung của những câu văn trên sẽ thay đổi như thế nào?**

(1) Hai dấu gạch ngang (câu a) và phần sau dấu gạch ngang (câu b) đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích.

(2) Nếu bỏ các cụm từ tách ra từ dấu gạch ngang thì ý nghĩa của câu sẽ không đầy đủ.

HĐCN – chia sẻ (5’)

**HS: Nghiên cứu và trả lời câu hỏi BT2 (TL/110, 111)**

**\*Bài tập 2(TL/110, 111). Chỉ ra biện pháp tu từ so sánh? Điểm tương đồng giữa các đối tượng được so sánh ? Nêu ý nghĩa của sự tương đồng đó?**

a. So sánh: “*Đôi mày ai - trăng mới in ngần*”: Đôi mày ai như được trăng in ngần tạo thành hình dáng rất đẹp

=>tăng thêm sức gợi hình gợi cảm cũng như tình yêu thiên nhiên của tác giả, chỉ sự thanh tân, tươi trẻ, dịu dàng

b. So sánh: *Trời sáng lung linh - ngọc*. Điểm tương đồng giữa trời sáng lung linh với ngọc: đều là những sự vật đẹp, có ánh sáng và màu sắc lung linh.

=>Tăng thêm sức gợi hình gợi cảm cho màu sắc lung linh của bầu trời, chỉ vẻ đẹp của ánh sáng trong, thanh khiết, có sắc màu ảo diệu.

HĐCN – chia sẻ (5’)

**HS: Nghiên cứu và trả lời câu hỏi BT3 (TL/ 111)**

**\*Bài tập 3(TL/ 111).Chỉ ra biện pháp tu từ? Nêu tác dụng của chúng?**

- Biện pháp tu từ nhân hoá:

a.

+ đôi mùa giao tiễn nhau

+ đồi núi chuyển mình

+ Sông hồ rung động

b. vài con ong siêng năng

=>Thể hiện những rung động của nhà văn lan toả vào cảnh vật, thiên nhiên phỏng chiếu nội tâm con người.

HĐCN – chia sẻ (5’)

**HS: Nghiên cứu và trả lời câu hỏi BT4 (TL/ 111)**

**\*Bài tập 4 (TL/ 111).Chỉ ra biện pháp tu từ? Nêu tác dụng của chúng?**

- Biện pháp tư từ diệp ngữ

+ *ai cấm được*

*+ đừng thương*

=>Nhấn mạnh cảm xúc thể hiện tình yêu thiên nhiên, đặc biệt là tình yêu mùa xuân Hà Nội của tác giả và tạo nhịp điệu cho câu văn.

HĐCN – chia sẻ (5’)

**HS: Nghiên cứu và trả lời câu hỏi BT5 (TL/ 111)**

**\*Bài tập 5 (TL/ 111). Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh? Cách so sánh này có gì khác so với cách so sánh trong những câu văn ở bài tập 2?**

Đây là biện pháp so sánh tầng bậc.

+ Vế 1 là một cảm giác: *nhựa sống ở trong người căng lên* (hoàn toàn trừu tượng).

+ Vế hai là hai hiện tượng: *máu cũng căng lên trong lộc của loài nai* (cũng trừu tượng nhưng còn có hình ảnh *lộc nai* để hình dung), mầm non của cầy cối *trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti* (dễ hình dung).

**=>**Tác dụng: Gợi lên sự tươi trẻ và nhiệt huyết cùng tình yêu tha thiết trong tâm hồn tác giả và những người yêu mùa xuân.

**=>K**hác nhau : cách so sánh 1 - 1 ở bài tập 2 là so sánh giữa hai sự vật , chỉ có một vế so sánh. ở bài tập này là cách so sánh tầng bậc: Bài tập này có nhiều vế so sánh, làm cho đối tượng được so sánh hiện lên đa dạng, phong phú, sâu sắc hơn.

**4. Củng cố - HDHB**

H: Nêu nội dung cơ bản của tiết học

HS: Về nhà học bài cũ; Hoàn thiện bài tập còn lại

Soạn: **Bài 5.** Văn bản **Chuyện cơm hến ….** trả lời các câu hỏi cuối bài (TL/111-116)

======================

Ngày giảng: 7A2………../…….. /2024

7A3………../ .........../2024

**TIẾT 59, 60.**

**BÀI 5. CHUYỆN CƠM HẾN**

**Hoàng Phủ Ngọc Tường**

**I. MỤC TIÊU.**

**\*Yêu cầu tối thiểu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của văn bản: Tính trữ tình thể hiện ở tình yêu của tác giả đối với món ăn dân dã của quê hương, lòng tự hào về truyền thống văn hoá của quê hương.

- Nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB: Bài tản văn chọn một món ăn bình dân của Huế như là điểm tựa để bàn về văn hoá và việc giữ gìn bản sắc văn hoá trong cộng đổng cư dân. Đây là nét đẹp riêng của văn hoá Huế, của người Huế.

**2. Phẩm chất**

Bồi đắp cho HS những xúc cảm thẩm mĩ trước thiên nhiên, con người; tình yêu quê hương, đất nước. Từ đó củng cố ý thức cống hiến, xây dựng phát triển quê hương, đất nước giàu đẹp.

**\* Học sinh giỏi**

Trình bày được những đặc sắc của ngọn bút tài hoa, độc đáo của tác giả. Cảm nhận được tình yêu quê hương của tác giả.

**\* Tích hợp** ĐĐLS: yêu mến, tự hàovẻ đẹp của quê hương đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. GV: Máy tính, máy chiếu, tài liệu liên quan

2. HS: Đọc – trả lời câu hỏi (TL/111-116)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

**3. Tổ chức các hoạt động học.**

**\*HĐ1. Mở đầu**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.

**b. Tổ chức thực hiện**

- HS xem video và trả lời các câu hỏi:

**H. Em hãy kể tên một số món ăn được giới thiệu trong video. Trong các món ăn đó em đã thưởng thức món nào chưa? Cảm nhận của em về món ăn đó.?**

- HS xem video và ghi lại một số món ăn được giới thiệu trong video và trả lời câu hỏi của giáo viên.

- GV dẫn dắt vào bài: *Mỗi vùng miền có thể được ví như một mảnh ghép làm nên bức tranh thế giới muôn màu. Mỗi mảnh ghép ấy có những vẻ đẹp riêng, vẻ đẹp ấy có thể là những cảnh đẹp nên thơ, có thể là những con người thân thiện hoặc cũng có thể là những món ăn rất dân giã bình dị nhưng nó lại chứa đựng những giá trị rất lớn làm nên nét đắc sắc của các vùng miền, của quê hương, xứ sở. Điều đó được thể hiện khá rõ nét trong “ Chuyện cơm hến” của Hoàng Phủ Ngọc Tường.*

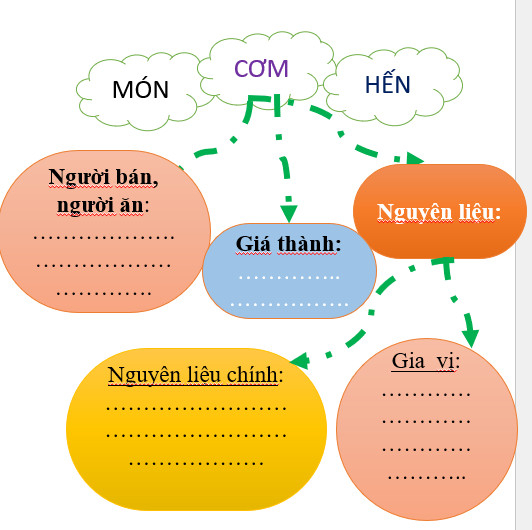
**HĐ2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của văn bản: Tính trữ tình thể hiện ở tình yêu của tác giả đối với món ăn dân dã của quê hương, lòng tự hào về truyền thống văn hoá của quê hương; chủ đề, thông điệp của VB: Bài tản văn chọn một món ăn bình dân của Huế như là điểm tựa để bàn về văn hoá và việc giữ gìn bản sắc văn hoá trong cộng đổng cư dân. Đây là nét đẹp riêng của văn hoá Huế, của người Huế.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung chính** |
| **H: VB này cần đọc giọng điệu như thế nào?**  => Phù hợp giọng tản văn, khi thì hài hước, khi trữ tình.  => Chú ý các thẻ chỉ dẫn màu vàng  GV: Đọc mẫu, học sinh luyện đọc, nhận xét chéo (2-3HS)  HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  HS.Nghiên cứu mục sau khi đọc (TL/115)  **H. Nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm ( xuất xứ, thể loại văn bản, phương thức biểu đạt)?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**  GVMR:  - Đề tài: viết về món ăn đặc sản  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất  - Giọng điệu: kết hợp giọng điệu hài ước và trữ tình.  HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  **HS.Đọc P1**  **H. Người Huế có khẩu vị khác với các vùng miền khác ở nào?**  **H. Tác giả là người vùng nào? Chi tiết nào nói lên điều đó? Qua đó em cảm nhận được tình cảm gì của tác giả khi nói về nét riêng người Huế.?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**  *- Thích thú với 2 vị mà thiên hạ đều sợ đó là đắng và cay*  *+ Thích dùng mướp đắng, đắng một cách tuyệt vời*  *+ Thích ăn cay: cay sướng miệng, cay xè lưỡi*   * *+ Trong cơm hến có tới 3 loại ớt: ớt tương, ớt dầm mắm, ớt màu.*   *=>*Món cơm hến tiêu biểu cho phong cách *ăn cay dễ sợ*, *cay trào nước mắt* của người Huế.  HS: HĐCĐ – chia sẻ (4’)  **HS.Đọc P2**  **H.Hoàn thành phiếu bài tập**  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL | **I. Đọc và tìm hiểu chung**    **1. Tác giả**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường (1937- 2023), quê Quảng Trị.  - Sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp của đất nước, con người trên khắp mọi miền tổ quốc đặc biệt là Huế  **2. Tác phẩm.**  -Xuất xứ: trích Huế - Di tích và con người  - Thể loại: tản văn  - PTBĐ: tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Nét riêng trong khẩu vị của người Huế**  - Thích thú với vị cay và đắng, đặc biệt là vị cay với đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay.   🡪 Tác giả gây ấn tượng với người đọc về khẩu vị ăn cay khác thường của người Huế so với những địa phương khác.  **2. Giới thiệu về món cơm hến** |

**PHIẾU BÀI TẬP 1**



|  |  |
| --- | --- |
| **Những nguyên liệu chính**: ruột hến, cơm nguội, bún tàu, măng khô, rau sống, thịt heo.  🡪 Nguyên liệu đơn giản, dễ kiếm, có thể được tận dụng lại.  **- Gia vị**: da heo, tóp mỡ, ớt tương, ớt dầm nước mắm, ớt màu, muối, mè, đậu phộng, ruốc, bánh tráng, vị tinh…  🡪nguyên liệu và gia vị rẻ, dễ kiếm, có thể dùng nguyên liệu thừa sau khi chế biến các món ăn hằng ngày.  **- Nơi bán:** bán rong trên đường phố.  **- Người thưởng thức**: mọi người, cả người giàu và người nghèo  **- Giá thành**: giá rẻ.  => Cơm hến là một món ăn bình dân.  **H. Qua đó em rút ra nhận xét gì về món cơm hến?**  G**V bình: hình ảnh chị bán hàng**: *dáng gầy mỏng manh, chiếc áo đài đen cũ kĩ, chiếc nón cời và tiếng rao lanh lảnh; gánh cơm hến rẻ nhưng vẫn đủ vị, tỉ mỉ, cầu kì*  🡪 hình ảnh của người bán hàng nghèo nhưng không lam lũ, khổ sở mà vẫn tươm tất, giữ cốt cách nền nã của người cố đô. Chị bán hàng mưu sinh đi liền với niềm vui được tiếp nối truyền thống.  HS: HĐN – chia sẻ (4’)  HS. Đọc: *“ Trước hết, nói về cơm…. Chỉ tạo nên những “ đồ giả”* và trả lời câu hỏi:  **H. Tìm những câu văn thể hiện ý kiến của tác giả về món ăn đặc sản?**  **H.Tìm trong văn bản những từ ngữ cho thấy lời văn của bài tản văn giống như lời tác giả đang trò chuyện với bạn đọc? Em có nhân xét gì về cái tôi của tác giả?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**  **\*Câu văn thể hiện ý kiến của tác giả về món ăn đặc sản:**  - *“Tôi rất ghét những lối cải tiến tạp nham như vậy. Bún đã có bún bò, ai có giang sơn ấy, việc gì phải cướp bản quyền sáng chế của người khác.”*  *- “Tôi nghĩ rằng trong vấn đề khẩu vị,* **tính bảo thủ là một yếu tố văn hóa hết sức quan trọng, để bảo toàn di sản.”**  - “*Với tôi, một* ***món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa****, cứ phải giống như ngày xưa, và mọi ý đồ cải tiến đều mang tính phá phách, chỉ tạo nên những “đồ giả!”*  **\*Những từ ngữ cho thấy lời văn của bài tản văn giống như lời tác giả đang trò chuyện với bạn đọc:** *Đảm bảo là đắng, lại còn bóp mướp sống làm món nộm, đắng một cánh tuyệt vời!.. sướng miệng, cay phỏng miệng, cay điếc mũi… hạnh phúc trời hành… người máu cơm hến. xúc động tận chân răng, kêu cái rốp…*  => Cái tôi của tác giả được thể hiện trong “Chuyện cơm hến” là cái tôi yêu quê hương, yêu những nét văn hóa ẩm thực độc đáo của quê hương mình. Đồng thời, đó cũng là cái tôi bày tỏ quan điểm về cải tiến, phá cách món ăn quê hương, ông mong muốn những món ăn này vẫn giữ nguyên được hương vị và giá trị của mình.  **HĐ chung cả lớp**  **H: Khái quát những biện pháp nghệ thuật đặc sắc và nội dung chính VB?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**  \*Tích hợp ĐĐLS:  HS: HĐCN – chia sẻ (2’)  **H. Theo em thông điệp tác giả muốn gửi đến mọi người qua văn bản “Chuyện cơm hến” là gì.**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**  **=>** Biết yêu mến tự hào vẻ đẹp quê hương, đất nước.  => Hãy trân trọng, giữ gìn những đặc sản của địa phương, nuôi dưỡng những nét đẹp văn hoá của quê hương. | * - Cơm hến là món ăn bình dân được chế biến cầu kì, tỉ mỉ nhưng lại bình dân từ nguyên liệu đến cách ăn   → Người Huế luôn cố gắng để giữ gìn và phát triển món ăn đậm đà bản sắc dân tộc, để khi nhắc đến cơm hến là mọi người đều nhớ đến Huế.  **3. Ý kiến của tác giả về món ăn đặc sản**  =>Cái tôi của tác giả là cái tôi yêu quê hương, yêu những nét văn hóa ẩm thực độc đáo của quê hương mình. Đó cũng là cái tôi bày tỏ quan điểm về cải tiến, phá cách món ăn quê hương, ông mong muốn những món ăn này vẫn giữ nguyên được hương vị và giá trị của mình.  **III.Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ địa phương.  - Giọng điệu hài hước kết hợp với trữ tình.  **2**. **Nội dung**  Nhà văn giới thiệu về món ăn đậm đà bản sắc xứ Huế, đồng thời thể hiện những suy nghĩ của tác giả về việc “cải tiến” món ăn dân tộc. Từ đó thể hiện tình yêu quê hương da diết của tác giả. |

**HĐ3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Tổ chức thực hiện**

HS: HĐCN – chia sẻ (6’)

**Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) giới thiệu về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hoá nơi em đang sống.**

**HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**

**Gợi ý viết:**

- Hình thức: Đoạn văn 5-7 câu

- Nội dung**:** giới thiệu về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hoá nơi em đang sống.

**4. Củng cố**

H: Nêu nội dung cơ bản của tiết học

**5. Hướng dẫn học bài**

HS: Về nhà học bài cũ; Hoàn thiện bài tập

Soạn: **Bài 4.** **Thực hành tiếng Việt: Từ ngữ địa phương ….**(Đọc bài, nghiên cứu trả lời các câu hỏi, bài tập TL/116).

======================

Ngày giảng: 7A2………../......... /2024

7A3………../.........../2024

**TIẾT 61.**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

**I. Mục tiêu**

**\*Yêu cầu tối thiểu đối với học sinh**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.

Trân trọng sự đa dạng ngôn ngữ vùng miền. Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**2.Phẩm chất**:

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền

**\* HS khá giỏi**

- Hiểu, phân tích được đặc điểm của từ ngữ địa phương và việc sử dụng từ ngữ địa phương

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. GV: Máy tính, máy chiếu, tài liệu liên quan, phiếu bài tập

2. HS: Đọc – trả lời câu hỏi (TL/116)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

**3. Tổ chức các hoạt động học.**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài học dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Tổ chức thực hiện**:

**HS: HĐCN – 3 – chia sẻ**

HS. quan sát và đọc bài ca dao - chú ý từ in đậm và trả lời câu hỏi:

*“****Bầm*** *ơi có rét không* ***bầm****?*

*Hiu hiu gió núi, lâm thâm mưa phùn.*

***Bầm*** *ra ruộng cấy* ***bầm*** *run*

*Chân lội dưới bùn tay cấy mạ non.”*

**H: Trong bài ca dao trên từ bầm chỉ ai?**

- HS hoạt động, báo cáo, chia sẻ

- GV nhận xét, dẫn vào bài: *Từ “bầm” có nghĩa là mẹ-> Bầm chính là từ ngữ của một địa phương vùng Bắc Bộ. Vậy từ ngữ địa phương là gì? Khi sử dụng từ ngữ địa phương cần chú ý điều gì? Chúng ta cùng tìm hiểu tiết học ngày hôm nay.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**HS biết được,phân tích được đặc điểm của từ ngữ địa phương và thực tế sử dụng từ ngữ địa phương hiện nay.HS nhận diện đặc điểm của từ ngữ địa phương và thực tế sử dụng từ ngữ địa phương trong VB văn học và nêu tác dụng của chúng. Nhận biết được sự phong phú đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.

- HS vận dung sử dụng từ ngữ địa phương trong tạo lập văn bản và giao tiếp.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| HĐCĐ – chia sẻ (4’)  HS. Đọc yêu cầu bài tập, chú ý các từ in đậm  **H. Các từ bẹ, bắp có nghĩa là gì?**  **H: Trong ba từ bẹ, bắp, ngô, từ nào chỉ được dùng trong một địa phương nhất định, từ nào được sử dụng rộng rãi, phổ biến trong toàn dân?**  *a. Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo* ***bẹ*** *rau măng vẫn sẵn sang*  *( Hồ Chí Minh. Tức cảnh Pác Bó)*  *b. Khi con tu hú gọi bầy*  *Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*  *Vườn râm dậy tiếng ve ngân*  ***Bắp*** *rây vàng hạt, đầy sân nắng đào.*  *( Tố Hữu- Khi con tu hú)*  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:  **H: Em hiểu thế nào là từ ngữ địa phương. Thế nào là từ ngữ toàn dân? VD minh họa?**  - HS hoạt động, báo cáo, chia sẻ  - GV nhận xét,chốt kiến thức  **H. Theo em khi sử dụng từ ngữ địa phương cần lưu ý điều gì?**  - HS hoạt động, báo cáo, chia sẻ  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **GV lưu ý:**  - *Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương chỉ được dùng trong một vùng miền nhất định.*  *- Trong VB khoa học,hành chính…. Không được dùng từ ngữ địa phương ( trừ có lí do đặc biệt). Trong giao tiếp thông thường chỉ nên dùng từ ngữ địa phương khi trò chuyện thân mật với những người nói.*  HĐCL – chia sẻ (3’)  **H. Hãy lấy VD về từ ngữ địa phương được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày hoặc trong các tác phẩm văn học?**  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:  **Hoạt động 3: Luyện tập(20’)**  **\* Mục tiêu**: Học sinh vận dụng lý thuyết vào làm các bài tập  HĐCN – chia sẻ (4’)  **HS: Nghiên cứu, xác định yêu cầu và làm BT1 (TL/116)**  HS báo cáo- chia sẻ, GV nhận xét, KL:  - HĐCN – chia sẻ (4’)  **HS: Nghiên cứu, xác định yêu cầu và làm BT2 (TL/116)**  HS báo cáo- chia sẻ, GV nhận xét, KL:    - HĐCN – chia sẻ (4’)  **HS: Nghiên cứu, xác định yêu cầu và làm BT3 (TL/116)**  HS báo cáo- chia sẻ, GV nhận xét, KL:  - Cho HS hoạt động chung cả lớp: chơi trò chơi “***truyền điện”***  - HS thực hiện  - GV nhận xét, chốt kiến thức | **I. Từ ngữ địa phương**  **1. Bài tập**  *- Bẹ, bắp -> ngô*   * - Bẹ, bắp-> chỉ dùng ở vùng tây bắc (từ *địa phương*)   *-* Từ **ngô** sử dụng rộng rãi, phổ biến trong toàn dân (từ *toàn dân*).  **2. Kết luận**  ***a. Khái niệm:*** Mỗi vùng miền có một số từ ngữ riêng biệt, thường gọi là từ ngữ địa phương. Những từ ngữ đó phát sinh từ những nét riêng về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lí và phong tục tập quán của cư dân địa phương.  **b. Tác dụng**: tạo sắc thái địa phương cho câu chuyện, nhân vật ….hoặc được dùng như một phương tiện tu từ.  **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 (TL/116). Tìm từ ngữ địa phương? Giải thích vì sao?**  Từ ngữ địa phương: thẫu,vịm,trẹc, o  - Vì tìm được những từ toàn dân tương đương.  **Bài tập 2 (TL/116). Tìm từ địa phương trong văn bản Cơm hến – tìm từ ngữ toàn dân tương đương.**   |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ địa phương  -lạt  -duống  -xắt  -đậu phụng  -vị tinh  -thẫu  -mè | Từ ngữ toàn dân  -nhạt  -đưa xuống  -thái  -lạc  -bột ngọt  - dụng cụ đựng đồ ăn có miệng to  -vừng |   **Bài tập 3 (TL/116)**  -Tác giả sử dụng từ ngữ địa phương nhằm khắc hoạ không khí, sắc thái riêng của người Huế góp phần tạo ấn tượng sâu đậm về Huế và văn hoá Huế.  **Bài tập 4 (TL/116). Tìm từ địa phương chỉ sự vât:**   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ địa phương** | **Từ ngữ toàn dân** | | -khổ qua  -Heo  -u  -đậu phộng  -tía  - mè | -mướp đắng  -lợn  -mẹ  -lạc  -bố  -vừng | |

**4. Củng cố - HDHB**

H: Nêu nội dung cơ bản của tiết học

HS: Về nhà học bài cũ; Hoàn thiện bài tập còn lại

Soạn: **Bài 5.** Văn bản **Hội Lồng Tồng** (TL/117-120) (trả lời các câu hỏi cuối bài ).

======================

Ngày giảng: 7A2………../......... /2024

7A3………../.........../2024

**TIẾT 62, 63:**

**HỘI LỒNG TỒNG**

**(Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Từ)**

**I. Mục tiêu**:

**Yêu cầu tối thiểu đối với học sinh**

**1. Năng lực**:

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

- Nhận ra được văn bản thông tin về đề tài lễ hội. Nhận biết được nét đặc sắc văn hoá của lễ hội Lồng Tồng - một lễ hội xuống đồng ở Tây Bắc

**2. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền

**Yêu cầu đối với học sinh khá giỏi**

- Nhận xét, đánh giá được thái độ của tác giả thể hiện trong văn bản.

**\*Tích hợp GD Địa phương**: truyền thống văn hóa lễ hội; ĐĐLS:Biết yêu mến tự hào vẻ đẹp quê hương, đất nước. Trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. GV: Máy tính, máy chiếu, tài liệu liên quan

2. HS: Đọc – trả lời câu hỏi (TL/90,92)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

**3. Tổ chức các hoạt động học.**

**\*HĐ1. Mở đầu**

**a. Mục tiêu**: HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.

**b. Tổ chức thực hiện:**

HS: HĐCN – chia sẻ (4’)

Quan sát các hình ảnh lễ hội và 1 đoạn về Hội lồng tồng hình ảnh

**\*Tích hợp GD Địa phương**:

**H. Hãy kể tên các lễ hội dân gian mà em đã được trực tiếp tham gia hoặc được biết thông qua các kênh thông tin? Địa phương em có những lễ hội nào? Em ấn tượng với lễ hội nào nhất?**

- HS hoạt động, báo cáo, chia sẻ

- GV dẫn dắt vào bài: *Mỗi khi tết đến xuân về, trên khắp mọi miền của tổ quốc thường tổ chức rất nhiều các lễ hội. Thông qua các lễ hội sẽ giúp con người sẽ gắn bó với nhau hơn, đồng thời đó cũng là dịp để mọi người tìm hiểu, khám phá và cảm nhận vè sắc màu cuộc sống trên quê hương xứ sở. Bài học ngày hôm nay cô cùng các em sẽ cùng đến với vùng Tây Bắc với hội Lồng Tồng - một lễ hội xuống đồng ở Việt Bắc.*

**\*HĐ2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu**: HS biết được nét đặc sắc văn hoá của lễ hội Lồng Tồng - một lễ hội xuống đồng ở Việt Bắc. Nhận ra được văn bản thông tin về đề tài lễ hội. Nêu được ấn tượng chung về vẻ đẹp văn hoá vùng miền trong văn bản. Phân tích được vẻ đẹp của Hội lồng tồng; cách thuyết minh một lễ hội đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cho người đọc.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung chính** |
| **H: VB này cần đọc giọng điệu như thế nào?**  => To, rõ ràng, chú ý phần miêu tả; giọng tự hào, say xưa..  => Chú ý các thẻ chỉ dẫn màu vàng  GV: Đọc mẫu, học sinh luyện đọc, nhận xét chéo (2-3HS)  HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  HS.Nghiên cứu mục sau khi đọc (TL/63)  **H. Nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm (** *thể loại, phương thức biểu đạt, xuất xứ***)?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**  **H: Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**  - Phần 1. Từ đầu đến “một cách tài tình” =>Giới thiệu về hội Lồng Tồng.  - Phần 2. Còn lại): Các hoạt động và ý nghĩa của hội Lồng Tồng.  HS: HĐN – chia sẻ (7’)  HS. Xem video giới thiệu về hội lồng tồng kết hợp đọc :“ Từ đầu…. và lượn lồng tồng”  Hoàn thiện phiếu học tập số 2  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:** | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ.  **2. Tác phẩm**  - Thể loại: VB thuyết minh  - PTBĐ: thuyết minh  - Xuất xứ: rút trong tập “*Mùa xuân và phong tục Việt Nam*”.  **3. Bố cục**: 2 phần  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Giới thiệu khái quát về hội lồng tồng** |

**PHIẾU BÀI TẬP 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian tổ chức:** | Sau tết Nguyên đán- tết Thanh minh |
| **Địa điểm** | Vùng Việt Bắc |
| **Vùng miền có lễ hội:** | Tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Lào Cai |
| **Sản vật cúng lễ** | thịt lợn, thịt gà, bánh chưng, hoa quả |
| **Phần cúng tế – lễ:** | + Người dân mang cỗ đến cúng thần nông  + Sau khi cúng lễ, người ta ăn cỗ: thịt gà, thịt lợn, bánh chưng, … |
| **Phần vui chơi – hội:** | Trò chơi dân gian: đánh vật, kéo co, thi bắn, múa sư tử, lượn lồng tồng |

|  |  |
| --- | --- |
| **H: Sản vật cúng lễ có liên quạn gì tới tục xuống đồng và tục thờ thành hoàng?**  - *Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng có liên quan tới tục mở hội xuống đồng và tục thờ thành hoàng – thần nông là:*  *+ Lồng tồng tiếng Tày – Nùng có nghĩa là xuống đồng.*  *+ Thần thành hoàng làng của đồng bào Tày – Nùng là Thần Nông.*  *+ Đình thành hoàng thờ những nhân vật ngày xưa đã có công khai phá ruộng nương, xây dựng và bảo vệ bản mường.*  *=> Do đó các vật phẩm cúng tế sẽ là các sản phẩm được sản xuất từ hoạt động sản xuất nông nghiệp như: thịt gà, thịt lợn, các loại bánh, các loại rượu…*  HS: HĐCĐ – chia sẻ (6’)  HS. Đọc đoạn còn lại từ: *“Trò chơi ném còn… đến hết”. mắt… đến… chao ôi là Huế”* hoàn thiện phiếu học tập số 2  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL** | => Lễ hội lồng tồng là hoạt động sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian, gắn liền với nền nông nghiệp trồng trọt của bà con đồng bào các dân tộc thiểu số.  **2. Các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng** |

**PHIẾU BÀI TẬP 2**

|  |  |
| --- | --- |
| Các trò chơi, hoạt động trong phần hội | Ném còn, múa sư tử, lượn lồng tồng |
| Những hoạt động đó thể hiện những khả năng nào của con người | Biểu thị con người có phẩm chất và khả năng: vui vẻ, tinh tế, duyên dáng, khéo léo, sáng tạo, đoàn kết để trở thành một cộng đồng vững mạnh. |
| Mong ước của người dân khi tổ chức hội Lồng Tồng | =>Gửi gắm mong ước sẽ có mùa màng bội thu, dân làng được bình an, may mắn, tốt lành. |

|  |  |
| --- | --- |
| HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  **H. Để tái hiện các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào?**  **H. Theo em để có thể cung cấp đầy đủ thông tin cho người đọc, người nghe về hội lồng tồng tác giả phải là người như thế nào?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL**  =>Thuyết minh, tự sự, miêu tả.  Đặc biệt ta còn thấy rõ thái độ của người viết thể hiện câu cuối của bài viết: “ Lượn, tiếng nói của tình yêu… trời xuân của Việt Bắc”.  =>Đó là sự đồng cảm, ngợi ca, đề cao vẻ đẹp của hát lượn, một sinh hoạt văn hóa, dân gian phổ biến của đồng bào Tày, Nùng trong mùa xuân.  **HĐ chung cả lớp**  **H: Khái quát những biện pháp nghệ thuật đặc sắc và nội dung chính của văn bản?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**  **\*Tích hợp** ĐĐLS:  **HĐ chung cả lớp**  **H:Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc ?**  **HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**  =>Biết yêu mến tự hào vẻ đẹp quê hương, đất nước. Trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống …. | =>Sử dụng PTTM, tự sự, miêu tả - thấy được các hoạt động và ý nghĩa của các hoạt động trong lễ hội. Gửi gắm mong ước mùa màng bội thu, dân làng được bình an, may mắn, tốt lành  **III.Tổng kết**  **1.Nghệ thuật**  - Sử dụng phương pháp thuyết minh, cung cấp tri thức khách quan.  - Ngôn ngữ kể chuyện sinh động, miêu tả chân thực dễ hiểu  **2**. **Nội dung**  - Văn bản đã khắc hoạ ấn tượng vẻ đẹp lễ hội truyền thống và con người Tày, Nùng vùng Việt Bắc vừa gần gũi, mộc mạc, hồn nhiên, vừa mạnh mẽ, sáng tạo ..  - Bồi đắp cho chúng ta tình cảm yêu mến nét đẹp văn hoá của dân tộc Việt Nam |

**HĐ3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS viết được đoạn văn trình bày cảm nhận.

**b. Tổ chức thực hiện**

HS: HĐCN – chia sẻ (6’)

*Lượn, tiếng nói của tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời xuân Việt Bắc.*

*Em cảm nhận như thế nào về thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên?*

**Viết đoạn văn 5- 7 câu trình bầy cảm nhậncủa em về thái độ của người viết qua câu văn trên?**

**HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**

**Gợi ý viết:**

- Hình thức: Đoạn văn 5-7 câu

- Nội dung:trình bầy cảm nhậncủa em về thái độ của người viết qua câu văn trên.

**4. Củng cố**

H: Nêu nội dung cơ bản của tiết học

**5. Hướng dẫn học bài**

HS: Về nhà học bài cũ; Hoàn thiện bài tập

Soạn: **Bài 5.** **Viết: Viết văn bản tường trình ….**(Đọc bài, nghiên cứu trả lời các câu hỏi, bài tập trong TL).

======================

Ngày giảng: 7A2………../......... /2024

7A3………../.........../2024

**TIẾT 64, 65. VIẾT**

**VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**I. Mục tiêu**

**\*Yêu cầu tối thiểu đối với học sinh**

**1. Năng lực**

- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

**2. Phẩm chất**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền

**\* HS khá giỏi**

Viết văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách, nội dung mạch lạc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. GV: Máy tính, máy chiếu, tài liệu liên quan, phiếu bài tập

2. HS: Đọc – trả lời câu hỏi (TL/92,93)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

**3. Tổ chức các hoạt động học.**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài học dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Tổ chức thực hiện**:

**HS: HĐCN – 3 – chia sẻ**

Đọc văn bản tường trình trên máy chiếu- trả lời câu hỏi:

**H. Theo em tường trình nghĩa là gì?**

**H. Đã bao giờ em phải viết bản tường trình chưa?**

HS báo cáo- chia sẻ, GV nhận xét, KL:

*=>Tường trình là trình bày, báo cáo lại đầy đủ, rõ ràng một vấn đề nào đó trước cấp trên hoặc trước tổ chức.*

GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tường trình là VB thông tin đựơc dùng rất phổ biến trong đời sống. Nhiều khi chúng ta phải viết, đọc hay xử lí các VB tường trình về một vụ việc nào đó, nhằm giải quyết kịp thời, đúng đắn những vắn đề đáng tiếc nảy sinh. Do vậy nếu biết cách viết văn bản tường trình đúng thể thức là điều mà mọi người đều phải quan tâm. Vậy khi nào chúng ta cần phải viết bản tường trình và bản tường trình cần phải đảm bảo những yêu cầu gì? .......*

**\* HĐ 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** HS biết, hiểu được yêu cầu của một văn bản tường trình, bước đầu biết phân tích văn bản tường trình.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| HS: HĐCCL – chia sẻ (3’)  **H. Theo em khi nào cần viết bản tường trình?**  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:  =>Khi có một sự việc xảy ra (gây hậu quả xấu) khiến cho người có trách nhiệm (hoặc cấp có thẩm quyền) phải xem xét, người liên quan đến sự việc đó phải viết bản tường trình để trình bày một cách tường tận, rõ ràng sự việc diễn ra, đồng thời phải nêu rõ mức độ trách nhiệm của mình.  HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  **HS. Nghiên cứu phần tri thức ngữ văn (TL/120)**  **H: Theo em** khi viết **bản tường trình cần đảm bảo những yêu cầu gì*?***  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:  HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  **H. Vì sao phải có quốc hiệu và tiêu ngữ?**  **=>**Để xác định đây là VB hành chính  **H. Vì sao phải thuật lại vụ việc với đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, kết quả, người chịu tránh nhiệm?**  =>Để người hoặc cơ quan đảm nhiệm chức năng giải quyết vụ việc có đầy đủ cơ sở để xem xét, giải quyết vấn đề)  **H. Vì sao cần có lời cam đoan cuối bản tường trình?**  =>Để nêu cao trách nhiệm của người làm bản tường trình  **GV**: Đó là những điểm chính mà khi viết bản tường trình các em cần lưu ý.  Vậy để biết cách làm một mộtvăn bản tường trình, chúng ta cùng phân tích bài viết tham khảo.  HS: HĐCĐ – chia sẻ (5’)   * H. Đọc bài tham khảo, hoàn thành phiếu bài tập số 1   HS báo cáo- chia sẻ, GV KL: | **I. Yêu cầu của dạng bài**  **1. Tìm hiểu yêu cầu đối với văn bản tường trình.**  **2. Yêu cầu (TL/120)**  **II. Đọc và phân tích bản tường trình tham khảo.**  **1.Bài tập (TL/121)** |

**PHIẾU BÀI TẬP 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Quốc hiệu và tiêu ngữ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Địa điểm và thời gian viết bản tường trình | + Địa điểm: Hà Nội  + Thời gian: ngày 22 tháng 9 năm 2020 |
| Tên văn bản tường trình | Bản tường trình về việc vi phạm  nội quy nơi tham quan |
| Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình | Cô..... |
| Tên người viết tường trình | Trương Khánh Ng. |
| Nội dung bản tường trình | + Thời gian: sáng ngày 22 tháng 9 năm 2020  + Địa điểm: Bảo tàng Dân tộc học  + Nguyên nhân: Do người viết tường trình muốn có một bức ảnh chụp bên bộ quần áo dân tộc Dao nên đã bước qua dây chắn, vào khu vực cấm và sờ tay vào hiện vật  + Hậu quả: Người viết tường trình đã làm hỏng một chi tiết trên trang phục  + Người chịu trách nhiệm: Trương Khánh Ng. |
| Cam đoan và cam kết | Trương Khánh Ng. cam đoan điều mình tường trình là đúng sự thật và cam kết không bao giờ tái phạm nữa. |
| Kí tên hoàn tất bản tường trình | Trương Khánh Ng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HS:** HĐCN - chia sẻ (3)  **H. Một bản tường trình cần được trình bày theo những mục nào?**  **H. Theo em phần nào, nội dung nào trong bản tường trình bắt buộc phải có?**  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:  **\* Khi lập Bản tường trình phải đảm bảo cung cấp được đầy đủ thông tin sau:**   * - Địa điểm, thời gian xảy ra sự việc. * - Những người có liên quan đến sự việc. * - Trình tự, diễn biến sự việc. * - Nguyên nhân sự việc. * - Mức độ thiệt hại (nếu có). * - Trách nhiệm của người viết trong trường hợp sự việc đó gây ra hậu quả.   **HĐ 3. Luyện tập**  a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để viết bản tường trình, củng cố kiến thức.  b. Tổ chức thực hiện  HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  HS. Nghiên cứu tài liệu phần ô chữ màu vàng (mục đích viết, người đọc, TL/100).  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:  - Mục đích: Cung cấp thông tin một cách trung thực về vụ việc mà mình có liên quan.  **-** Đối tượng người đọc: Người yêu cầu làm bản tường trình, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết và những người quan tâm đến vụ việc.  **H. Để viết một bài văn nói chung, một bản tường trình nói riêng các em cần phải trải qua những bước nào?**  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:  **B1**: Trước khi viết  **B2**: Viết bài  **B3**: Chỉnh sửa bài viết  **H: Xác định các nội dung trước khi viết.**  - HS hoạt động, báo cáo, chia sẻ  - GV nhận xét, bổ sung, chốt:  -Lựa chọn nội dung để viết tường trình  GV làm rõ:  + *Nếu là vụ việc có thật mà bản thân em có liên quan thì hãỹ hình dung lại sự việc đã xảy ra để ghi lại tường trình.?*   * *+ Nếu vụ việc mang tính giả định thì hãy xác định rõ mối liên quan trực tiếp của em đối với vụ việc?*   HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  **H: Viết bản tường trình phải đảm bảo các yêu cầu nào?**  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:  =>Chốt nội dung 2 / 122  HS: HĐCN – chia sẻ (10’) thực hành viết bản tường trình theo đề bài trên.  HS báo cáo- chia sẻ, GV KL: | **2.Kết luận (TL/121)**  **\* Bố cục:**  - Quốc hiệu và tiêu ngữ  - Địa điểm và thời gian viết bản tường trình  - Tên văn bản tường trình  - Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình  - Tên người viết tường trình  - Nội dung bản tường trình  - Cam đoan và cam kết  - Kí tên hoàn tất bản tường trình  **III. Thực hành viết theo các bước**  \***Đề bài:** Viết bản tường trình về việc vi phạm nội quy của lớp học hay vi phạm nội quy của nhà trường.  **B1.Trước khi viết**  - Lựa chọn nội dung để viết tường trình  - Hình dung lại sự việc xảy ra.  - Xác định rõ vai trò của bản thân khi viết: Đại diện cá nhân hay người làm chứng.  **B2. Viết bản thường trình**  **Đề bài:**Em hãy viết một bản tường trình về việc vi phạm nội quy nhà trường.  **B3. Chỉnh sửa bản tường trình**   * Đánh giá bài viết và chỉnh sửa theo bảng kiểm |

**BÀI THAM KHẢO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Quang Kim, ngày 07, tháng 12, năm 2024*

**BẢN TƯỜNG TRÌNH**

(**Về việc vi phạm nội quy nhà trường)**

Kính gửi: BGH Trường THCS Quang Kim

Họ tên em là: Nguyễn Văn Trí.

Sinh ngày: 29/3/2008

Nơi ở hiện tại: Thôn …. – xã…….– huyện……. – Lào Cai

Là học sinh lớp: 7A3 Trường THCS Quang Kim

Hôm nay, ngày 07 tháng 12 năm 2024, em viết đơn này nhằm tường trình về hành vi vi phạm nội quy nhà trường của em, cụ thể: Em đã không mặc đồng phục đúng quy định. Căn cứ theo nội quy của trường, em nhận thấy hành vi của mình đã vi phạm đến Nội quy của trường và xứng đáng phải chịu kỷ luật theo nội quy nhà trường.

Em cam đoan những thông tin trong bản tường trình này là đúng sự thật. Em sẽ chịu phạt đúng như nội quy quy định và xin hứa sẽ không tái phạm!

Người viết tường trình

(Kí tên)

Nguyễn Văn Trí.

**Đề bài: Một bạn trong lớp bị mất cặp sách khi cả lớp ra sân tập thể dục. Bạn đó viết bản tường trình để nộp cho cô giáo chủ nhiệm**

Bài làm

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày tháng năm 22

**BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**Về việc mất cặp sách**

Kính gửi: Cô giáo chủ nhiệm lớp trường THCS

Tên em là: …., học sinh lớp trường THCS

Thứ ngày tháng năm 2022 vừa qua, em bị mất chiếc cặp sách tại lớp. Sự việc cụ thể như sau:

7h 30', sau giờ truy bài, khi nghe tiếng trống chào cờ, em cất cặp sách vào ngăn bàn của mình (bàn thứ 4 của tổ 3) rồi xuống sân trường tập trung. Em là một trong những học sinh đầu tiên của lớp ra khỏi phòng học, bởi vậy, khi em rời lớp, trong phòng vẫn còn rất nhiều bạn.

8h 20', khi em lên lớp, cả lớp đã gần như đông đủ. Em lấy cặp sách chuẩn bị tiết học Ngữ văn thì đã không thấy cặp sách đâu. Em có hỏi các bạn xung quanh nhưng không ai nhìn thấy, cũng không ai giấu đùa.

Trong chiếc cặp sách có 10 cuốn sách giáo khoa và vở môn Ngữ văn, Lịch sử, Vật lí, Địa lí, 01 hộp bút, 50.000 đồng cùng thẻ học sinh, vé và khoá xe đạp.

Em xin cam đoan những điều em tường trình trên là sự thật. Nếu sai em xin chịu mọi hình thức kỉ luật của cô giáo và tập thể lớp.

Người viết tường trình

Học sinh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**—-------------------------------**

, ngày 16 tháng 9 năm 2021

**BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**Về việc mất xe đạp nơi gửi xe ở trường**

   Kính gửi: - BGH nhà trường

                    - Cô …, giáo viên chủ nhiệm lớp

   Em là A, học sinh trường THCS …., xin phép tường trình với cô một việc như sau:

   Sáng 16 tháng 9 năm 2021, em đi xe đạp đến trường học như mọi ngày. Em đã lên lớp học và quên không khóa xe. Đến 17 giờ cùng ngày, em đã phát hiện chiếc xe đạp đã bị mất và không còn ở trong khu gửi xe của trường.

    Em xin cam đoan điều vừa tường trình là đúng sự thật. Em mong được BGH nhà trường và cô giáo chủ nhiệm giúp đỡ trong việc tìm lại chiếc xe đạp bị mất.

Người viết tường trình

(Kí tên)

                                                        Nguyễn Văn A

**4. Củng cố:**

H. Lưu ý khi viết bản tường trình?

**5. Hướng dẫn học bài:**

- Viết hoàn chỉnh bài

- Chuẩn bị bài luyện nói: **Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại**

=================

Ngày giảng: 7A2………../......... /2024

7A3………../.........../2024

**TIẾT 66, 67: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI**

**I. MỤC TIÊU:**

**\*Yêu cầu tối thiểu đối với học sinh**

**1.Về năng lực:**

**-** Biết cách trình bày về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại

- Biết cách nói và nghe phù hợp: Với tư cách người nói, HS có thể dựa trên bài đã viết, phát triển và làm phong phú hơn cho phần nói, biết phát huy những lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời; với tư cách người nghe, HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực.

**2. Về phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**\* Học sinh Khá, Giỏi:** Sáng tạo trong việc trình bày ý kiến và nhận xét, góp ý.

**\*Tích hợp ĐĐLS**:Trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. GV: Máy tính, máy chiếu, tài liệu liên quan, phiếu bài tập

2. HS: Đọc – trả lời câu hỏi (TL/123-126)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh

**3. Tổ chức các hoạt động học.**

**HĐ1. Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b. Tổ chức thực hiện:**

HS: HĐCN – chia sẻ (3’)

HS. Quan sát bức tranh dân gian Đông Hồ “Thầy đồ Cóc”, bức tranh về các sản phẩm thủ công truyền thống mây tre đan trên máy chiếu.

**H. Nội dung của mỗi bức tranh?**

**HS báo cáo- chia sẻ, GV KL:**

=>Bức tranh 1: tranh Đông Hồ; Bức 2: mô tả các sản phẩm thủ công truyền thống được đan từ mây tre

=> Qua bức tranh thấy hiện lên một làng nghề truyền thống mà ngày nay vẫn được lưu giữ ở nhiều địa phương, nhiều làng nghề trên khắp cả nước.

**GV dẫn dắt vào bài mới:** *Trên mảnh đất hình chữ S xinh đẹp của chúng ta, chúng ta có quyền tự hào về một đất nước nhỏ bé nhưng giàu truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc. Ở những giờ học trước, chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu những nét đẹp gắn bó với đời sống sinh hoạt của người dân, thể hiện những giá trị văn hóa lâu đời nói của mỗi địa phương nói riêng và của Việt Nam nói chung. Tuy nhiển, nét đẹp đó liệu còn toàn diện và có ý nghĩa đối với cuộc sống của chúng ta ngày nay hay không? Tiếp nối nội dung đó, ở trong bài học này, chúng ta sẽ cùng tập trình bày ý kiến của mình về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức:**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được kiểu bài, yêu cầu của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp; biết đánh giá, trao đổi về bài nói với người nói.

**b. Tổ chức thực hiện:**.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** |
| HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  **HS nghiên cứu phần ô chữ màu vàng (TL/123)**  **H. Xác định mục đích nói và đối tượng nghe?**  **H: Theo em trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại là gì?**  HS báo cáo - chia sẻ, GV nhận xét, KL:  =>Mục đích: *Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống nhằm thể hiện thái độ sống tích cực, có trách nhiệm và thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của mình.*  =>Đối tượng nghe: *Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến văn hóa truyền thống.*   * *=>Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại là nêu lên những suy nghĩ, đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể về vấn đề ấy để làm sáng tỏ cho ý kiến của người viết.* * (Dạng văn nghị luận XH)   **Ví dụ:**  + *Thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại*  *+ Việc sử dụng các sản phẩm thủ công truyền thống tròn đời sống sinh hoạt hằng ngày*  *+ Giới trẻ và việc thưởng thức các loại hình nghệ thuật truyền thống.*  *+ Sức hấp dẫn của các di tích lịch sử- văn hóa truyền thống đối với các du khách.*  *+ Giá trị của các làng nghề truyền thống đối với phát triển kinh tế, văn hóa.*  HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  HS.Nghiên cứu tài liệu (TL/123-125)  **H: Nêu các bước để thực hiện bài nói trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại?**  **H: Ở mỗi bước, em cần lưu ý những gì?**  HS báo cáo- chia sẻ, GV nhận xét, KL:  **=>Gồm 3 bước:**  **1. Trước khi nói**  **2. Trình bày bài nói**  **3. Đánh giá bài nói**  **GV ở bước chuẩn bị nội dung nói cần viết ra giấy dàn ý bài nói- hoàn thiện bài nói.**  HS: HĐCN – chia sẻ (3’)  **H.Dàn ý một bài nói gồm những phần nào***?*  *(HS hoàn thiện phiếu bài tập)*  GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho đề 1  HS: HĐN – chia sẻ (12’)  HS báo cáo- chia sẻ, GV nhận xét, KL: | **I.Các bước nói và nghe**  **B1. Trước khi nói**  **a. Chuẩn bị nội dung nói**  **Đề bài 1:** Trình bày ý kiến của em về thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại.  **Đề bài 2 :** Trình bày ý kiến của em về việc sử dụng các sản phẩm thủ công truyền thống trong đời sống sinh hoạt hằng ngày. |

**PHIẾU BÀI TẬP 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Vấn đề em trình bày** | Trình bày ý kiến của em về thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại. |
| **Lí do em trình bày về vấn đề này** |  |
| **Những thông tin đáng quan tâm về vấn đề** (*Tranh dân gian là gì? Gồm những loại nào? Thú chơi tranh dân gian ngày Tết của người dân xưa*?...) |  |
| **Những hình ảnh mà em chia sẻ (trình chiếu)** |  |
| **Ý kiến của em về vấn đề vấn đề được bàn (***Quan điểm của cá nhân về thú chơi tranh dân gian ngày nay khi đời sống thay đối*? …..**)** |  |
| **Mong muốn của em và những giải pháp em đề xuất** |  |
| **Trao đổi của em về các ý kiến thể hiện cách tiếp cận khác về vấn đề …** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| - Để có bài nói tốt, em cần tập luyện trước khi trình bày trước lớp.  HS: HĐCĐ – chia sẻ (7’)  **H.** **Một bài nói đạt kết quả tốt cần đảm bảo những yêu cầu nào?**  **H. Hoàn thiện bài nói của mình, luyện tập theo nhóm, cử đại diện lên báo cáo**  HS báo cáo- chia sẻ, GV nhận xét, KL:  =>Nội dung bài nói phải chuẩn bị kĩ lưỡng  -Kĩ năng nói: giọng điệu, cử chỉ, ánh mắt, quản lí thời gian,…  -Tập luyện trước khi nói trước lớp bằng cách: nắm chắc nội dung bài nói  **\*Yêu cầu:**Trình bày đầy đủ, mạch lạc, sáng rõ những nội dung chính đã chuẩn bị: | **b. Tập luyện**  **B2. Trình bày bài nói** |

**\* Mở đầu:**

Giới thiệu rõ ràng, mạch lạc để người nghe nắm bắt được suy nghĩ của em về vấn đề cần trình bày.

\***Nội dung:**

Tập trung vào việc trình bày ý kiến của em về thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại.

\* **Kết thúc:** Mong muốn của em và những giải pháp em đề xuất

|  |  |
| --- | --- |
| \*Chú ý: Bài nói phải có 3 phần  *- Phần mở đầu: chào hỏi, giới thiệu ….*  *- Phần nội dung chính*  *- Phần kết thúc bài nói: lời cảm ơn* …  HS. Đại diện nhóm trình bày bài nói theo nội dung đã chuẩn bị.  HS. lắng nghe, chia sẻ, phản hồi ý kiến ....  - GV gọi hs nhận xét, phản hồi ý kiến của mình với người nói, theo gợi ý:  **\*Người nghe:**  1) *Bài trình bày của bạn đã hấp dẫn, rõ ràng mạch lạc chưa?*  *2) Cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... có phù hợp với mục đích nói và đối tượng tiếp nhận không?*  *3) Em có đồng ý với những suy nghĩ của bạn về thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại.*  *4) Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn?*  *5) Em có thể bổ sung một vài điểm để phần trình bày của bạn hoàn thiện hơn không?...*  **\*Người nói:** lắng nghe, phản hồi những ý kiến trên tinh thần cầu thị. | **\*B3. Sau khi nói** |

PHỤ LỤC

\* **Bảng tự kiểm tra bài nói:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đat** |
| Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  |  |
| Giới thiệu được vấn đề: *Nêu được ý kiến về thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại.* |  |  |
| Em đã trình bày lần lượt: các lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề |  |  |
| Em đã dùng ngôi thứ nhất để trình bày vấn đề. |  |  |
| Em đã sử dụng giọng điệu, âm lượng, các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) hài hoà khi trình bày. |  |  |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được nét văn hóa truyền thống hay, có ý nghĩa | Chưa có nét văn hóa truyền thống để trình bày. | Có nét văn hóa truyền thống để trình bày nhưng chưa hay. | Có nét văn hóa truyền thống để trình bày hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung nét văn hóa truyền thống phong phú, hấp dẫn | Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu nét văn hóa truyền thống. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung nét văn hóa truyền thống. | Nội dung nét văn hóa truyền thống phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung trình bày. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |

**4. Củng cố, hướng dẫn học bài**

H: Nêu nội dung cơ bản của tiết học

HS: Về nhà học bài cũ; Hoàn thiện bài tập còn lại

- Bài mới: Ôn tập kì I (ôn các bài 1- 5) .